

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH AN GIANG**

Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH AN GIANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 143/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: **Tổ I, khu phố C - B, phường H, tỉnh An Giang.**

- Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **Tổ E, khu phố D - B, phường H, tỉnh An Giang.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thúy V** và ông **Huỳnh Văn S** kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được **UBND phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (nay là phường H, tỉnh An Giang)** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67/2017, ngày 20/11/2017. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Thúy V** và ông **Huỳnh Văn S**.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Bảo A, giới tính nữ, sinh ngày 21/9/2018, hiện nay con đang sống cùng bà V. Khi ly hôn ông bà thống nhất và theo nguyện vọng của cháu A giao con chung cho bà V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thúy V tự nguyện chịu hoàn toàn lệ phí việc dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (14/4/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Huỳnh Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Bảo A, giới tính nữ, sinh ngày 21/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Thúy V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thúy V tự nguyện chịu hoàn toàn lệ phí việc dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 304574, ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nay bà V không phải nộp thêm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8;
- UBND phường Hà Tiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng

Chị **Trương Thị Ngọc T** và anh **Nguyễn Thanh Đ** kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường Đ, thị xã H** vào ngày 20/12/2011. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trương Thị Ngọc T** và anh **Nguyễn Thanh Đ**.

2. Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên **Nguyễn Thành Đ1**, sinh ngày 15/12/2012, khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho anh **Đ** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Đ** không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Nguyễn Thanh Đ** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị **Trương Thị Ngọc T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị trình bày không có nợ chung.

Về lệ phí: Chị **Trương Thị Ngọc T** phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 150.000 đồng đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004545 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, chị **T** không phải nộp thêm; Anh **Nguyễn Thanh Đ** phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 150.000 đồng đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004544 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, anh **Đ** không phải nộp thêm.